**KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI**

**KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**Câu 1:** Khu vực Đông Nam Á nằm ở

**A.** phía đông nam châu Á. **B.** giáp với Đại Tây Dương.

**C.** giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. **D.** phía bắc nước Nhật Bản.

**Câu 2:** Toàn bộ lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á nằm hoàn toàn trong

**A.** khu vực xích đạo. **B.** vùng nội chí tuyến.

**C.** khu vực gió mùa. **D.** phạm vi bán cầu Bắc.

**Câu 3:** Khu vực Đông Nam Á không nằm ở vị trí cầu nối giữa

**A.** lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a. **B.** Ô-xtrây-li-a với các nước Đông Á.

**C.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. **D.** Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 4:** Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm hai bộ phận.

**A.** lục địa và biển đảo. **B.** đảo và quần đảo.

**C.** lục địa và biển. **D.** biển và các đảo.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Đông Nam Á?

**A.** Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn.

**B.** Là nơi các cường quốc muốn gây ảnh hưởng.

**C.** Vị trí cầu nối lục địa Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.

**D.** Nằm ở trên vành đai lửa Thái Bình Dương.

**Câu 6:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

**A.** nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C.** đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 7:** Tự nhiên Đông Nam Á biển đảo không có

**A.** nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C.** đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 8:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo là có

**A.** địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

**C.** các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

**D.** nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

**Câu 9:** Tự nhiên của Đông Nam Á lục địa không có

**A.** địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

**C.** các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

**D.** nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

**Câu 10:** Điểm giống nhau về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo là đều có

**A.** khí hậu nhiệt đới gió mùa. **B.** nhiều đồng bằng phù sa lớn.

**C.** các sông lớn hướng bắc nam. **D.** các dãy núi và thung lũng rộng.

**Câu 11:** Tự nhiên Đông Nam Á biển đảo khác với Đông Nam Á lục địa ở đặc điểm có

**A.** khí hậu xích đạo. **B.** các dãy núi. **C.** các đồng bằng. **D.** đảo, quần đảo.

**Câu 12:** Tự nhiên Đông Nam Á lục địa khác với Đông Nam Á biển đảo ở đặc điểm có

**A.** mùa đông lạnh. **B.** mùa hạ mưa. **C.** các đồng bằng. **D.** đảo, quần đảo.

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên Đông Nam Á lục địa?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

**C.** Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.

**D.** Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á biển đảo?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

**C.** Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.

**D.** Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

**Câu 15:** Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu

**A.** nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo. **B.** cận xích đạo, xích đạo.

**C.** xích đạo, nhiệt đới gió mùa. **D.** nhiệt đới gió mùa, ôn đới.

**Câu 16:** Đông Nam Á biển đảo chủ yếu có khí hậu

**A.** nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo. **B.** cận xích đạo, xích đạo.

**C.** xích đạo, nhiệt đới gió mùa. **D.** nhiệt đới gió mùa, ôn đới.

**Câu 17:** Điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Á **không** phải chủ yếu là

**A.** khí hậu nóng ẩm. **B.** đất trồng đa dạng,

**C.** sông ngòi dày đặc. **D.** địa hình nhiều núi.

**Câu 18:** Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á có nguy cơ bị thu hẹp là

**A.** khai thác không hợp lí và cháy rừng.

**B.** cháy rừng và phát triển nhiều thủy điện.

**C.** mở rộng đất trồng đồi núi và cháy rừng.

**D.** kết quả của việc trồng rừng còn hạn chế.

**Câu 19:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đông Nam Á?

**A.** Các nước trong khu vực (trừ Lào)đều giáp biển.

**B.** Nằm trong vành đai sinh khoáng lớn của Trái Đất.

**C.** Có diện tích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm lớn.

**D.** ít chịu các thiên tai như động đất, sóng thần.

**Câu 20:** Đông Nam Á có diện tích rừng xích đạo lớn, do

**A.** nằm trong vành đai sinh khoáng. **B.** hầu hết các nước đều giáp biển.

**C.** có nhiệt lượng dồi dào, độ ẩm lớn. **D.** nhiệt độ trung bình cao quanh năm.

**Câu 21:** Điều kiện thuận lợi để nhiều nước ở Đông Nam Á lục địa phát triển mạnh thủy điện là có

**A.** nhiều hệ thống sông lớn, nhiều nước. **B.** nhiều sông lớn chảy ở miền núi dốc.

**C.** sông chảy qua nhiều miền địa hình. **D.** sông theo hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 22:** Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

**A.** các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa. **B.** trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.

**C.** dung nham núi lửa từ nơi cao xuống. **D.** xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

**Câu 23:** Nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia trong khu vực Đông Nam Á **không** phải là

**A.** sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên. **B.** phòng tránh, khắc phục các thiên tai.

**C.** chú trọng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. **D.** tập trung tối đa khai thác tài nguyên.

**Câu 24:** Do vị trí kề sát vành đai lửa Thái Bình Duơng, nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

**A.** bão. **B.** lũ lụt. **C.** hạn hán. **D.** động đất.

**Câu 25:** Do nằm trong khu vực hoạt động của áp thấp nhiệt đới, nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

**A.** bão. **B.** động đất. **C.** núi lửa. **D.** sóng thần.

**Câu 26:** Vùng thềm lục địa ở nhiều nước Đông Nam Á có

**A.** dầu khí. **B.** bôxit. **C.** than đá. **D.** quặng sắt.

**Câu 27:** Đông Nam Á có khoáng sản đa dạng, do vị trí địa lí nằm ở

**A.** phía đông nam lục địa Á - Âu, giáp với biển.

**B.** nơi tiếp giáp giữa đất liền và đại dương lớn.

**C.** nơi nối lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.

**D.** trong vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.

**Câu 28:** Biểu hiện rõ rệt của biến đổi khí hậu ở một số đồng bằng châu thổ thấp tại Đông Nam Á là

**A.** xâm nhập mặn ngày càng sâu vào đồng bằng.

**B.** nguồn nước ngọt từ sông ngòi ngày càng ít đi.

**C.** mực nước ngầm hạ thấp, bề mặt đất bị sụt lún.

**D.** nguồn nước ngọt bị ô nhiễm ở nhiều khu dân cư.

**Câu 29:** Đông Nam Á có

**A.** số dân đông, mật độ dân số cao. **B.** mật độ dân số cao, nhập cư đông.

**C.** nhập cư ít, lao động chủ yếu già. **D.** xuất cư nhiều, tuổi thọ rất thấp.

**Câu 30:** Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm. **B.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng.

**C.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng. **D.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

**Câu 31:** Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

**A.** quy mô lớn, gia tăng có xu hướng giảm. **B.** tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.

**C.** dân số đông, người già trong dân số nhiều. **D.** tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

**Câu 32:** Ở nhiều nước Đông Nam Á, việc làm là một vấn đề còn gay gắt, nguyên nhân chủ yếu do

**A.** quy mô dân số lớn, kinh tế còn phát triển chưa cao.

**B.** kinh tế chậm phát triển, gia tăng tự nhiên còn cao.

**C.** gia tăng dân số cao, giáo dục đào tạo còn hạn chế.

**D.** giáo dục đào tạo còn hạn chế, người lao động nhiều.

**Câu 33:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Nguồn lao động dồi dào và tăng hàng năm.

**B.** Lao động có tay nghề có số lượng hạn chế.

**C.** Tỉ lệ người lao động có trình độ cao còn nhỏ.

**D.** Vấn đề thiếu việc làm đã được giải quyết tốt.

**Câu 34:** Gia tăng dân số tự nhiên ở nhiều nước Đông Nam Á đã giảm rõ rệt nhờ vào việc thực hiện tốt

**A.** chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

**B.** việc nâng cao ý thức dân số cho người dân.

**C.** giáo dục và chiến lược phát triển con người.

**D.** công tác y tế chăm sóc sức khoẻ người dân.

**Câu 35:** Thuận lợi của dân số đông của Đông Nam Á là

**A.** nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.

**B.** thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.

**C.** dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.

**D.** phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.

**Câu 36:** Trở ngại về dân cư đối với phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** dân số đông, gia tăng còn nhanh. **B.** dân số đông, gia tăng rất chậm.

**C.** dân số không đông, gia tăng nhanh. **D.** dân số không đông, gia tăng chậm.

**Câu 37:** Khu vực nào sau đây ở Đông Nam Á có mật độ dân số rất thấp?

**A.** Đồng bằng châu thổ. **B.** Các vùng ven biển.

**C.** Vùng đất đỏ badan. **D.** Các vùng núi cao.

**Câu 38:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Đông Nam Á?

**A.** Dân đông, mật độ dân số cao. **B.** Có nguồn lao động dồi dào.

**C.** Phân bố dân cư không đều. **D.** Các nước đều có dân số già.

**Câu 39:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xã hội của Đông Nam Á?

**A.** Các quốc gia đều có nhiều dân tộc. **B.** Một số dân tộc ít người phân bố rộng.

**C.** Có nhiều tôn giáo lớn cùng hoạt động. **D.** Văn hóa các nước rất khác biệt nhau.

**Câu 40:** Đông Nam Á là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới như

**A.** Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Âu, Mĩ. **B.** Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Âu, Phi.

**C.** Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Phi, Mĩ. **D.** Trung Hoa, Ấn Độ, Hàn Quốc, Âu, Mĩ.

**Câu 41:** Ở khu vực Đông Nam Á, nước có trên 80% dân số theo Thiên Chúa giáo là

**A.** Phi-lip-pin. **B.** Việt Nam. **C.** Thái Lan. **D.** In-đô-nê-xi-a.

**Câu 42:** Ở Đông Nam Á, các nước có đông dân cư theo Phật giáo là

**A.** Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

**B.** Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Việt Nam.

**C.** Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Bru-nây.

**D.** Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Xin-ga-po.

**Câu 43:** Ở Đông Nam Á, nước có trên 80% dân số theo Hồi giáo là

**A.** Ma-lai-xi-a, Bru-nây, Phi-lip-pin. **B.** Ma-lai-xi-a, Bru-nây, Xin-ga-po.

**C.** Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a. **D.** Ma-lai-xi-a, Bru-nây, Mi-an-ma.

**Câu 44:** Một trong những yếu tố gây khó khăn chủ yếu về quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở một số nước Đông Nam Á là

**A.** một số dân tộc ít người phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.

**B.** có nhiều tôn giáo khác nhau trong nước cùng tồn tại lâu đời với nhau.

**C.** có nhiều giá trị văn hóa khác nhau cùng tồn tại và phát triển cùng nhau.

**D.** phong tục, tập quán, sinh hoạt của người dân có nhiều nét tương đồng.

**Câu 45:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tình hình xã hội của Đông Nam Á?

**A.** Là nơi tập trung nhiều dân tộc có phong tục tập quán, tín ngưỡng riêng.

**B.** Là khu vực có tình hình chính trị khá ổn định so với nhiều khu vực khác.

**C.** Mức sống của người dân giữa các nước vẫn còn sự chênh lệch khá nhiều.

**D.** Là khu vực tập trung nhiều tôn giáo, Hồi giáo có ở tất cả các quốc gia.

**2. KINH TẾ ĐÔNG NAM Á**

**Câu 1:** Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng

**A.** công nghiệp - xây dựng tăng; nông, lâm, ngư nghiệp giảm; dịch vụ biến động.

**B.** công nghiệp - xây dựng tăng; nông, lâm, ngư nghiệp giảm, dịch vụ giảm.

**C.** nông, lâm, ngư nghiệp tăng; công nghiệp - xây dựng giảm, dịch vụ tăng.

**D.** nông, lâm, ngư nghiệp tăng; công nghiệp - xây dựng tăng; dịch vụ biến động.

**Câu 2:** Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á chuyển dịch theo hướng từ nông nghiệp là chủ yếu sang phát triển công nghiệp và dịch vụ, chủ yếu do tác động của

**A.** quá trình công nghiệp hóa. **B.** quá trình đô thị hóa.

**C.** xu hướng toàn cầu hóa. **D.** xu hướng khu vực hóa.

**Câu 3:** Trong cơ cấu kinh tế của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay, tỉ trọng của nông - lâm - ngư giảm, do tác động chủ yếu của

**A.** quá trình công nghiệp hóa. **B.** quá trình đô thị hóa.

**C.** hiện đại hóa nông nghiệp. **D.** toàn cầu hóa kinh tế.

**Câu 4:** Biện pháp chủ yếu nhất để làm cho các nước Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh là

**A.** đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa. **B.** mở rộng nhanh quá trình đô thị hóa.

**C.** hạn chế nhiều tốc độ gia tăng dân số. **D.** tập trung đào tạo nghề cho lao động.

**Câu 5:** Nền nông nghiệp Đông Nam Á có tính chất

**A.** ôn đới. **B.** cận nhiệt đới. **C.** nhiệt đới. **D.** xích đạo.

**Câu 6:** Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là

**A.** trồng trọt. **B.** chăn nuôi. **C.** dịch vụ. **D.** thủy sản.

**Câu 7:** Nhiều nước Đông Nam Á có trồng cây lương thực là ngành chính trong nông nghiệp do

**A.** quy mô dân số lớn. **B.** điều kiện thuận lợi.

**C.** nhu cầu xuất khẩu. **D.** nhu cầu nguyên liệu.

**Câu 8:** Cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á là do có

**A.** đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**B.** đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**C.** đất đai đa dạng, nhiều loại tốt; khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa.

**D.** đất đai có nhiều loại, diện tích rộng; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**Câu 9:** Cây ăn quả nhiệt đới được phát triển nhiều nơi ở Đông Nam Á là do có

**A.** đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**B.** đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**C.** đất đai đa dạng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu cận xích đạo và nhiệt đới.

**D.** đất đai có nhiều loại, diện tích rộng; khí hậu cận nhiệt đới và xích đạo.

**Câu 10:** Mục đích chủ yếu của việc trồng cây lấy dầu ở Đông Nam Á là

**A.** cung cấp nguyên liệu công nghiệp. **B.** phá thế độc canh trong nông nghiệp.

**C.** làm hàng xuất khẩu thu ngoại tệ. **D.** phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây lúa nước ở Đông Nam Á?

**A.** Là cây lương thực truyền thống và quan trọng của khu vực.

**B.** Sản lượng lúa của các nước ở khu vực không ngừng tăng.

**C.** Các nước đã cơ bản giải quyết được nhu cầu lương thực.

**D.** Thái Lan và Việt Nam đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

**Câu 12:** Nước có sản lượng lúa đứng đầu Đông Nam Á là

**A.** Việt Nam. **B.** Thái Lan. **C.** In-đô-nê-xi-a. **D.** Ma-lai-xi-a.

**Câu 13:** Lúa nước được trồng nhiều ở

**A.** các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp. **B.** các sườn đồi có độ dốc nhỏ ở đồi núi.

**C.** các cao nguyên đất đỏ badan màu mỡ. **D.** các đồng bằng thấp giữa các miền núi.

**Câu 14:** Điều kiện thuận lợi chủ yếu nhất ở Đông Nam Á để trồng cây lúa nước là

**A.** nền nhiệt quanh năm cao, nhiều nước, độ ẩm dồi dào; đất phù sa.

**B.** có hai mùa mưa, khô; đủ nước tưới tiêu, nền nhiệt cao; đất feralit.

**C.** có một mùa đông lạnh; nền nhiệt cao, đủ nước tưới tiêu; đất phù sa.

**D.** nền nhiệt quanh năm cao; đất feralit có diện tích rộng, đủ nước tưới.

**Câu 15:** Các nước ở Đông Nam Á xuất khẩu gạo đứng vào hàng đầu thế giới là

**A.** Việt Nam, In-đô-nê-xi-a. **B.** In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.

**C.** Thái Lan, Việt Nam. **D.** Việt Nam, Cam-pu-chia.

**Câu 16:** Các nước ở Đông Nam Á trồng nhiều cao su là

**A.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.

**B.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.

**C.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin.

**D.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Cam-pu-chia.

**Câu 17:** Nước ở Đông Nam Á đứng đầu về trồng cây hồ tiêu là

**A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Thái Lan. **D.** Việt Nam.

**Câu 18:** Các nước ở Đông Nam Á trồng nhiều dừa là

**A.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Lào.

**B.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.

**C.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin.

**D.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.

**Câu 19:** Các nước ở Đông Nam Á trồng nhiều cà phê là

**A.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Lào.

**B.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.

**C.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.

**D.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Á?

**A.** Sản phẩm chủ yếu dùng xuất khẩu thu ngoại tệ.

**B.** Có nhiều điều kiện thuận lợi về đất đai, khí hậu.

**C.** Có nhiều loại cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.

**D.** Tập trung nhiều ở các đồng bằng phù sa đất tốt.

**Câu 21:** Điều kiện thuận lợi ở Đông Nam Á để trồng cây công nghiệp lâu năm là

**A.** đất feralit rộng, có đất đỏ badan màu mỡ; khí hậu nhiệt đới, xích đạo.

**B.** đất feralit rộng, có đất nâu đỏ đá vôi màu mỡ; có khí hậu cận nhiệt đới.

**C.** đất phù sa màu mỡ, diện tích rộng; khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo.

**D.** đất phù sa màu mỡ, diện tích rộng; trong năm có một mùa đông lạnh.

**Câu 22:** Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu do có

**A.** đất đỏ badan màu mỡ, rộng lớn. **B.** khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo.

**C.** lao động đông, có kinh nghiệm. **D.** thị trường ngoài nước mở rộng.

**Câu 23:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây trồng ở Đông Nam Á?

**A.** Lúa nước là cây lương thực truyền thống và quan trọng.

**B.** Cây công nghiệp lâu năm hiện nay được phát triển mạnh.

**C.** Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước trong khu vực.

**D.** Các đồng bằng là nơi phân bố cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 24:** Tuy ở trong khu vực khí hậu nhiệt đới và xích đạo, nhưng ở Đông Nam Á vẫn có nông sản cận nhiệt đới là do có

**A.** nguồn nước sông hồ phong phú. **B.** đồng bằng phù sa đất màu mỡ.

**C.** địa hình núi cao khí hậu mát mẻ. **D.** đất đỏ badan phổ biến nhiều nơi.

**Câu 25:** Chăn nuôi gia súc ở Đông Nam Á vẫn chưa trở thành ngành chính, chủ yếu do

**A.** truyền thống sản xuất lương thực cho số dân số lớn.

**B.** nguồn thức ăn cho gia súc gặp rất nhiều khó khăn.

**C.** lao động nông nghiệp hầu hết dành cho trồng trọt.

**D.** cơ sở vật chất kĩ thuật và dịch vụ thú y còn hạn chế.

**Câu 26:** Trâu được nuôi nhiều ở

**A.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Lào.

**B.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

**C.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam.

**D.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Phi-lip-pin.

**Câu 27:** Nhiều nước ở Đông Nam Á nuôi nhiều trâu trước đây chủ yếu là để

**A.** phục vụ trồng lúa nước. **B.** lấy thịt cho người dân.

**C.** lấy sữa cho người dân. **D.** chế biến thực phẩm.

**Câu 28:** Bò được nuôi nhiều ở

**A.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Lào.

**B.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

**C.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam.

**D.** Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Phi-lip-pin.

**Câu 29:** Lợn được nuôi nhiều ở

**A.** Việt Nam, Phi-lip-pin, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a.

**B.** Việt Nam, Phi-lip-pin, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a.

**C.** Việt Nam, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a.

**D.** Việt Nam, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a.

**Câu 30:** Những vùng đồng bằng trồng lúa nước **không** phải là nơi nuôi nhiều

**A.** lợn. **B.** trâu. **C.** bò. **D.** dê.

**Câu 31:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi của Đông Nam Á?

**A.** Chăn nuôi đã trở thành ngành chính. **B.** Đông Nam Á nuôi nhiều gia cầm.

**C.** Lợn được nuôi nhiều ở đồng bằng. **D.** Trâu có nhiều ở nơi trồng lúa nước.

**Câu 32:** Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh đánh bắt hải sản, chủ yếu do có

**A.** nhu cầu thực phẩm lớn. **B.** vùng biển xung quanh.

**C.** nhiều ngư trường lớn. **D.** dân nhiều kinh nghiệm.

**Câu 33:** Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản trong thời gian gần đây, chủ yếu là do

**A.** có nhiều mặt nước ao, hồ. **B.** có nhiều bãi triều, đầm phá.

**C.** thị trường thế giới mở rộng. **D.** nhu cầu dân cư lên cao.

**Câu 34:** Điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt hải sản ở nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** vùng biển rộng, đường bờ biển dài. **B.** đường bờ biển dài; nhiều vũng, vịnh.

**C.** vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn. **D.** nhiều ngư trường lớn, nhiều quần đảo.

**Câu 35:** Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nhiều nước Đông Nam Á là có nhiều

**A.** sông, hồ; bãi triều, đầm phá, vũng, vịnh. **B.** sông, hồ, diện tích mặt nước ruộng sâu.

**C.** sông, hồ, kênh rạch, bãi triều, vũng, vịnh. **D.** sông, hồ, kênh rạch, bãi triều, đầm phá.

**Câu 36:** Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nhiều nước Đông Nam Á là có nhiều

**A.** bãi triều, đầm phá. **B.** đầm phá, cửa sông,

**C.** cửa sông; vũng, vịnh. **D.** vũng, vịnh; bãi triều.

**Câu 37:** Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn ở nhiều nước Đông Nam Á là có nhiều

**A.** sông, hồ, bãi triều. **B.** bãi triều, vũng, vịnh.

**C.** vũng, vịnh, sông, hồ. **D.** bãi triều, đầm phá.

**Câu 38:** Đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở Đông Nam Á là

**A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Thái Lan. **C.** Phi-lip-pin. **D.** Việt Nam.

**Câu 39:** Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh đánh bắt xa bờ, chủ yếu nhằm

**A.** tăng sản lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ.

**B.** tăng sản lượng và bảo vệ tài nguyên ở thềm lục địa.

**C.** tăng sản lượng cá, tôm và mở rộng thêm vùng biển.

**D.** tăng sản lượng cá và bảo vệ sinh vật biển ở các đảo.

**Câu 40:** Đánh bắt hải sản xa bờ được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á hiện nay, chủ yếu nhất là do

**A.** ngư dân có nhiều kinh nghiệm, thị trường tiêu thụ mở rộng.

**B.** vùng biển có nhiều ngư trường, ngư dân nhiều kinh nghiệm.

**C.** thị trường tiêu thụ được mở rộng; tàu thuyền, ngư cụ nhiều.

**D.** tàu thuyền, ngư cụ hiện đại hơn; thị trường tiêu thụ mở rộng.

**Câu 41:** Nhiều nước Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh đánh bắt xa bờ, chủ yếu là nhờ vào

**A.** lao động có nhiều kinh nghiệm. **B.** vùng biển rộng có nhiều tôm, cá.

**C.** tàu thuyền, ngư cụ được hiện đại. **D.** có nhiều đảo và quần đảo xa bờ.

**Câu 42:** Vấn đề cấp thiết nhất hiện nay trong đánh bắt hải sản ở các nước Đông Nam Á là

**A.** khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi sinh vật.

**B.** tăng cường đánh bắt nhiều loài sinh vật biển.

**C.** gắn đánh bắt với công nghiệp chế biến hải sản.

**D.** mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đánh bắt.

**Câu 43:** Nguyên nhân chủ yếu nhất làm giảm nguồn lợi sinh vật biển ở Đông Nam Á là do

**A.** động đất, sóng thần. **B.** sóng thần, gió bão.

**C.** khai thác quá mức. **D.** khai thác gần bờ.

**Câu 44:** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên làm gián đoạn thời gian đánh bắt trong năm ở vùng biển phía bắc Biển Đông là

**A.** động đất. **B.** sóng thần. **C.** gió bão. **D.** gió mùa.

**Câu 45:** Đánh bắt hải sản là ngành truyền thống ở nhiều nước Đông Nam Á, vì

**A.** các nước này có vùng biển rộng; giàu tôm, cá.

**B.** dân số đông, nguồn lao động giàu kinh nghiệm.

**C.** hải sản là nguồn thực phẩm chủ yếu của dân cư.

**D.** các nước này có đường bờ biển dài, nhiều đảo.

**Câu 46:** Hướng phát triển của công nghiệp Đông Nam Á **không** phải là

**A.** tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.

**B.** hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ.

**C.** tăng cường đào tạo kĩ thuật cho người lao động.

**D.** tập trung sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước.

**Câu 47:** Một số ngành công nghiệp đã trở thành thế mạnh của các nước Đông Nam Á là

**A.** sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.

**B.** sản xuất và lắp ráp ô tô, máy kéo, thiết bị điện tử.

**C.** sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử, đóng tàu.

**D.** sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, chế biến thực phẩm.

**Câu 48:** Một số sản phẩm công nghiệp của các nước Đông Nam Á đã có được sức cạnh tranh trên thị trường thế giới chủ yếu là nhờ vào việc

**A.** liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.

**B.** tăng cường công nhân có trình độ kĩ thuật cao.

**C.** đầu tư vốn để đổi mới nhiều máy móc, thiết bị.

**D.** liên kết và hợp tác sản xuất giữa các nước.

**Câu 49:** Sản xuất và lắp ráp ô tô trở thành thế mạnh của các nước

**A.** Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.

**B.** Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Lào.

**C.** Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

**D.** Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây.

**Câu 50:** Hoạt động khai thác dầu khí phát triển mạnh ở các nước nào sau đây ở Đông Nam Á?

**A.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

**B.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Cam-pu-chia.

**C.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**D.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Phi-lip-pin.

**Câu 51:** Sản phẩm của những ngành công nghiệp nào sau đây ở các nước Đông Nam Á được xuất khẩu nhiều?

**A.** Khai thác than, dệt may, giày da, tiểu thủ công nghiệp, luyện kim đen.

**B.** Khai thác than, dệt may, giày da, tiểu thủ công nghiệp, luyện kim màu.

**C.** Khai thác than, dệt may, giày da, tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng.

**D.** Khai thác than, dệt may, giày da, tiểu thủ công nghiệp, chế biến thực phẩm.

**Câu 52:** Công nghiệp của các nước Đông Nam Á trong những thập niên gần đây phát triển tương đối mạnh là do tác động của

**A.** quá trình công nghiệp hóa. **B.** quá trình đô thị hóa.

**C.** bối cảnh toàn cầu hóa. **D.** xu hướng khu vực hóa.

**Câu 53:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp của Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Phát triển theo hướng tăng cường liên doanh với nước ngoài.

**B.** Chú trọng nhiều phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

**C.** Lượng điện tiêu dùng bình quân theo đầu người còn thấp.

**D.** Công nghiệp chế biến chưa sản xuất được mặt hàng xuất khẩu.

**Câu 54:** Lượng điện tiêu dùng bình quân theo đầu người ở các nước Đông Nam Á hiện nay còn thấp là biểu hiện của việc

**A.** chất lượng cuộc sống người dân chưa cao.

**B.** công nghiệp năng lượng chậm phát triển.

**C.** tỉ trọng dân cư nông thôn lớn hơn thành thị.

**D.** ngành công nghiệp phát triển còn hạn chế.

**Câu 55:** Điều kiện thuận lợi để nhiều nước Đông Nam Á phát triển mạnh công nghiệp năng lượng là có

**A.** than đá, dầu khí, năng lượng mặt trời. **B.** dầu khí, bôxit, năng lượng mặt trời.

**C.** bôxít, quặng sắt, năng lượng mặt trời. **D.** năng lượng mặt trời, than đá, bôxit.

**Câu 56:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ ở Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Hệ thống giao thông mở rộng và tăng thêm.

**B.** Thông tin liên lạc được cải thiện và nâng cấp.

**C.** Hệ thống ngân hàng, tín dụng được hiện đại.

**D.** Hệ thống viễn thông còn rất chậm phát triển.

**Câu 57:** Mục đích của phát triển dịch vụ ở các nước Đông Nam Á **không** phải là

**A.** phục vụ sản xuất. **B.** phục vụ đời sống. **C.** hấp dẫn đầu tư. **D.** thu hút nhập cư.

**Câu 58:** Hầu hết các nước Đông Nam Á đều quan tâm đến phát triển giao thông vận tải đường biển, do

**A.** có vị trí giáp biển. **B.** phát triên nội thưomg.

**C.** vận tải đường bộ yếu. **D.** có nhiều vũng, vịnh.

**Câu 59:** Ngành dịch vụ mới ra đời trong thời gian gần đây ở nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** bưu chính. **B.** viễn thông. **C.** ngân hàng. **D.** tài chính.

**Câu 60:** Ở nhiều vùng biển phía nam của các nước Đông Nam Á lục địa có hoạt động du lịch diễn ra được quanh năm là nhờ

**A.** nền nhiệt độ cao quanh năm. **B.** gió mùa hoạt động trong năm.

**C.** lượng mưa lớn vào mùa hạ. **D.** địa hình bờ biển rất đa dạng.